

Bản án số: 32 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2020

“V/v:Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khóa

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐ-HNGĐ ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐ – ST ngày 20 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Duy P, sinh năm: 1988.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị Thanh H, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Anh P và chị H đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, anh P trình bày:*

Anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về làm kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, từ cuối năm 2017, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Năm 2019, chị H đi lao động tại Nhật Bản, từ khi chị H đi vợ chồng không liên lạc. Nay, anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- *Về quan hệ con chung:* Anh P xác định vợ chồng có 01 con chung là Triệu Hà P, sinh ngày 05/06/2013, hiện con đang ở cùng anh. Nếu ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- *Về án phí:* Anh P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Nhật Bản vì anh chị chấm dứt liên lạc từ lâu.

Tòa án đã về gia đình gặp bà Lê Thị L là mẹ đẻ của chị H và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của chị H tại Nhật Bản nhưng bà không cung cấp được. Bà L xác định chị H thường xuyên liên lạc về gia đình, anh P chị H kết hôn năm 2013, sau khi sinh con đầu lòng, năm 2015 anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2018 chị H về nước, thời gian đầu chị H sống cùng gia đình chồng, sau đó về ngoại sinh sống. Đầu năm 2019, chị H đi lao động tại Nhật Bản, từ khi đi chị H thường xuyên liên lạc về gia đình, địa chỉ cụ thể của chị H gia đình không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình, gia đình đã thông báo cho chị H được biết việc anh P có đơn xin ly hôn và đề nghị được nuôi con Triệu Hà P, quan điểm của chị H và gia đình là về ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, về con chung, gia đình có nguyện vọng được nuôi cháu P, bà sẽ thay chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P cho đến khi chị H về nước. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không đề nghị giải quyết, gia đình bà không có ý kiến gì.

Tại công văn số 1165/QLXNC-P5 ngày 30/01/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định chị Trịnh Thị Thanh H, khai địa chỉ thường trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương xuất cảnh lần cuối ngày 01/7/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào lời khai của các đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tại Công văn của Cục xuất nhập cảnh xác định chị H hiện đã xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh P không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Nhật Bản, Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên, gia đình xác định chị H thường xuyên liên lạc về gia đình và đã thông báo cho chị H biết việc anh P có đơn xin ly hôn chị nhưng chị H không gửi văn bản ghi ý kiến về cho Tòa án. Ngoài ra, Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Anh P có quan điểm xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình chị H là bà Lê Thị L (mẹ đẻ chị H) và đã yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ của chị H tại nước ngoài tuy nhiên bà không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tổng đạt những văn bản tố tụng cho chị H thông qua bà L, bà đã thông báo nội dung văn bản cho chị H là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh P xác định vợ chồng sống hạnh phúc được ba năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách làm kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khoảng năm 2019 chị H đi lao động tại Nhật Bản, từ khi chị H đi vợ chồng không liên lạc. Bà L mẹ đẻ chị H cũng xác định anh P chị H có mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng thường cãi vã, từ năm 2018 chị Hương về nhà ngoại sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy cần giải quyết cho anh P được ly hôn chị H để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh P và chị H có 01 con chung là Triệu Hà P, sinh ngày 05/06/2013, hiện cháu P đang ở cùng anh P, cháu P có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét thực tế, chị H hiện đang lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại Việt Nam nên chị không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P được, để đảm bảo cho

sự ổn định của cháu P, giao cháu cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Triệu Duy P được ly hôn chị Trịnh Thị Thanh H.

2. Giao con chung Triệu Hà P, sinh ngày 05/06/2013 cho anh Triệu Duy P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị Trịnh Thị Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Triệu Duy P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000715 ngày 13/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh P đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, anh P và chị H vắng mặt tại phiên tòa. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Minh Quang